

Bản án số: 24/2025/HS-PT

Ngày: 24/02/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Chung

Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Hiền và ông Nguyễn Trung Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T
- Kiểm sát viên.

Ngày 24/02/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 08/2025/TLPT-HS ngày 06/01/2025 đối với bị cáo Khuất Văn Đ, do có kháng cáo của bị cáo Khuất Văn Đ đối với bản án hình sự sơ thẩm số 38/2025/HSST ngày 27/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2025/QĐXXHS-PT ngày 03/02/2025.

- Bị cáo có kháng cáo:

Khuất Văn Đ, sinh năm 1988; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: TDP thôn T, thị trấn B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 8/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không.

Họ và tên bố Khuất Văn M; Họ và tên mẹ Hoàng Thị Đ1; Bị cáo có 03 anh chị em ruột, bản thân là con thứ hai trong gia đình; H và tên vợ Lý Thị H1; Bị cáo có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam và được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa. (Có mặt)

- Bị cáo không kháng cáo:

1. Hoàng Văn T1, sinh năm 1991;

Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam.

Nơi sinh huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi ĐKNKTT và thường trú: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự

do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không.

Họ và tên bố Hoàng Văn B; Họ và tên mẹ Trần Thị N; Bị cáo có 03 anh chị em ruột, bản thân là con thứ ba trong gia đình; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam và được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại vắng mặt tại phiên tòa.

2. Lò Thị N1, sinh năm 1991;

Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nữ.

Nơi sinh: Huyện Y, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKNRTT và thường trú: Thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không.

Họ và tên bố Lò Văn U (đã chết); H và tên mẹ Vi Thị B1 (đã chết); Bị cáo có 03 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Họ và tên chồng Nguyễn Văn T2 (đã ly hôn) và có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam và được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại vắng mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi sáng ngày 01/4/2024, N1 đi xe mô tô biển kiểm soát 20N1-7302 từ thành phố Hà Nội về nhà nghỉ B2 thuộc thôn T, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang thuê phòng 101 để nghỉ. Khoảng 15 giờ cùng ngày, N1 đi xe mô tô đến quán K thì gặp Khuất Văn Đ đang ngồi chơi uống nước cùng với Hoàng Văn T1. N1 ngồi nói chuyện cùng với Đ về việc đánh bạc, do N1 uống rượu say nên điều khiển xe mô tô về nhà nghỉ B2 và gọi điện rủ Lãnh Thanh T3 là bạn trai của N1 ra nhà nghỉ B2 ngủ cùng nhau tại phòng 101.

Sau khi N1 đi về nhà nghỉ B2, Đ đi mua 01 bộ bài tú lơ khơ rồi rủ T1 đi đánh bạc cùng, T1 đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98E1- 225.80 chở T1 đến nhà nghỉ B2 thuê phòng 206, sau khi thuê được phòng Đ gọi điện rủ N1 đánh bạc thì N1 đồng ý; N1 nhắn tin hỏi Đ đang ở đâu và được Đ cho biết đang ở phòng 206 nhà nghỉ B2. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, N1 đi lên phòng 206 gặp Đ, T1; sau đó Đ lấy bộ bài tú lơ khơ mua từ trước ra và cùng T1, N1 đánh bạc bằng hình thức đánh ba cây được thua bằng tiền.

Khi bắt đầu đánh bạc, N1 có 300.000 đồng để đánh bạc; Đ có 2.600.000 đồng để đánh bạc; T1 có 3.000.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc đến khoảng 18 giờ 56 phút cùng ngày N1 thua hết tiền nên bảo T1 đưa cho N1 5.000.000 đồng tiền mặt rồi N1 chuyển khoản cho T1 thì T1 đồng ý. N1 dùng điện thoại Iphone 12 Promax đăng nhập vào ứng dụng Ngân hàng M2, sử dụng số tài khoản 0920159256666 chuyển 5.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng MB số 8800161991888 của T1; T1 đưa cho N1 5.000.000 đồng (trong đó có 3.000.000 đồng là tiền T1 bỏ ra ban đầu và 2.000.000 đồng là tiền T1 thắng bạc); Đ, N1, T1 tiếp tục đánh bạc. Đến khoảng hơn 19 giờ cùng ngày, N1 đưa lại 5.000.000 đồng tiền mặt cho T1 và bảo T1 chuyển khoản cho N1. T1 đồng ý và dùng điện thoại Iphone XsMax đăng nhập vào ứng dụng Ngân hàng M2 sử dụng số tài khoản 8800161991888 chuyển khoản 5.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng MB số 0920159256666 của N1. Quá trình đánh bạc, T1 gọi điện cho Lãnh Văn T4 làm lái xe taxi đến nhà nghỉ B2 chở T1 về. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T4 điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 98A- 040.78 đến nhà nghỉ B2 và gọi điện cho T1 thì được T1 nhờ mang nước uống lên phòng 206 giúp. T4 vào quầy lễ tân lấy nước mang lên phòng 206 thấy T1, Đ, N1 đang đánh bạc nên ngồi ở giường bên cạnh xem. Lúc sau, N1 gọi điện cho T3 lên phòng 206 đón N1 về. Tuyền lên phòng 206 và được T4 mở cửa cho vào, T3 ngồi xem mọi người đánh bạc. Do T1 đang đánh bạc chưa về nên T4 xuống sảnh nhà nghỉ B2 ngồi đợi.

Đ, T1, N1 đánh bạc đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày thì giữa N1, T1 và Đ xảy ra mâu thuẫn cãi nhau về việc N1 vay nợ tiền đánh bạc của T1 nên các đối tượng không đánh bạc nữa. N1 cầm bộ bài tú lơ khơ 36 quân cùng T3 bỏ về phòng 101 chốt cửa lại; Đ, T1 đuổi theo gọi N1 ra nói chuyện nhưng N1 không ra. Đ gọi điện cho Nguyễn Văn M1 là bạn của Đ có quen biết với T3, Đ nhờ M1 đến nhà nghỉ B2 bảo T3 mở cửa để nói chuyện với N1. M1 đến nhà nghỉ B2 gọi T3 mở cửa nhưng T3 không mở nên T1, Đ và M1 đi ra cổng nhà nghỉ B2 đứng chờ. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, N1 và T3 trả phòng nghỉ rồi đi ra đến cổng nhà nghỉ B2 thì gặp T1, Đ và M1 đứng chờ ở đó. Lúc này, giữa T1 và N1 tiếp tục xảy ra cãi chửi nhau, T1 dùng tay kéo tay N1 và tát 01 cái vào má N1; M1 dùng tay trái đánh 01 cái vào đầu của T3. Do bị đánh nên N1 đã gọi điện trình báo Công an xã C, huyện S đến giải quyết việc bị Đ, T1, M1 chặn đánh.

Quá trình làm việc với Công an xã C, các đối tượng Đ, N1, T1 đã khai nhận việc đánh bạc tại phòng 206 nhà nghỉ B2. Thu giữ của N1 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 36 quân, 01 điện thoại Iphone 12 ProMax, 01 xe mô tô biển kiểm soát 20N1-7302 và 3.260.000 đồng; thu giữ của Đ 01 điện thoại Iphone 6S, 01 xe mô tô biển kiểm sát 98E1- 225.80 và 2.630.000 đồng; thu giữ của T1 01 điện thoại Iphone X, 01 điện thoại Iphone XSMax.

Các bị cáo khai nhận số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc như sau:

Lò Thị N1 khai khi tham gia đánh bạc có 300.000đ đồng (tiền mặt) sử dụng để đánh bạc; do bị thua hết tiền nên N1 bảo T1 đưa cho 5.000.000 đồng tiền mặt để N1 chuyển khoản cho T1. Khi nghỉ đánh bạc, N1 thắng được 2.460.000 đồng và được T3 đưa cho 500.000 đồng. Ngoan giao nộp 3.260.000 đồng (trong đó có 2.760.000 đồng tiền đánh bạc; 500.000 đồng không sử dụng đánh bạc).

Khuất Văn Đ khai khi tham gia đánh bạc có 2.600.000 đồng sử dụng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc Đ thắng được 30.000 đồng; Đ giao nộp 2.630.000 đồng là tiền đánh bạc.

Hoàng Văn T1 khai khi tham gia đánh bạc có 3.000.000 đồng sử dụng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc có đổi cho N1 5.000.000 đồng tiền mặt lấy tiền chuyển khoản để N1 sử dụng để đánh bạc. Sau đó N1 trả lại Thức 5.000.000 đồng tiền mặt để lấy tiền tài khoản .

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích để đánh bạc là 10.390.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ lịch sử giao dịch tài khoản ngân hàng của Lò Thị N1, Hoàng Văn T1 và kiểm tra điện thoại của T1, N1, kết quả có lịch sử chuyển tiền giữa tài khoản của N1, T1 vào ngày 01/4/2024, phù hợp với lời khai của các bị cáo.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 38/HSST ngày 27/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

1. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Khuất Văn Đ 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Lò Thị N1 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/11/2024.

Xử phạt: Hoàng Văn T1 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/11/2024.

Giao bị cáo Lò Thị N1 cho UBND xã N, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Hoàng Văn T1 cho UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Khuất Văn Đ, Hoàng Văn T1, Lò Thị N1 mỗi bị cáo phải nộp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung công quỹ nhà nước.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, tiền truy thu, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 02/12/2024, bị cáo Khuất Văn Đ có đơn kháng cáo với nội dung: xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo, đồng thời bổ sung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo cho rằng án sơ thẩm xử phạt bị cáo là không công bằng với lý do bị cáo không phải là người rủ rê, không phải là người thuê phòng và số tiền của bị cáo tham gia đánh bạc ít hơn. Bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xem xét lại và cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà bị cáo nêu ra đã kết luận và đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Khuất Văn Đ xin hưởng án treo. Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Khuất Văn Đ 08 (Tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Khuất Văn Đ 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung công quỹ nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp 10.200.000đồng tiền phạt bổ sung và án phí sơ thẩm tại biên lai thu số: 0003418 ngày 17/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Khuất Văn Đ không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo không tranh luận gì với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Khuất Văn Đ nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị cáo Hoàng Văn T1, Lò Thị N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm

các bị cáo đã có lời khai, nên việc vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên đảm bảo đúng quy định tại Điều 293 và điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Ngày 01/4/2024, tại phòng 206 nhà nghỉ B2 thuộc thôn T, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang, các đối tượng Khuất Văn Đ, Hoàng Văn T1, Lò Thị N1 đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh ba cây được thua bằng tiền. Quá trình đánh bạc, giữa N1 với T1, Đ xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau về số tiền vay nợ đánh bạc nên các đối tượng không đánh bạc nữa. Sau đó, giữa N1, T1 xảy ra xô sát đánh nhau nên N1 đã trình báo Công an xã C và giao nộp tiền đánh bạc cùng các tài liệu, vật chứng liên quan. Kết quả điều tra xác định, tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc trái phép là 10.390.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Khuất Văn Đ, Hoàng Văn T1, Lò Thị N1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự

Bản án sơ thẩm sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi của bị cáo, đánh giá toàn bộ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đã xử phạt bị cáo Khuất Văn Đ 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc” là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Khuất Văn Đ thì thấy:

Bị cáo Khuất Văn Đ có vai trò chính trong vụ án, mặc dù bị cáo cho rằng không phải là người rủ rê, không phải là người thuê phòng và số tiền của bị cáo tham gia đánh bạc ít hơn. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo khác phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng đã được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định bị cáo là người rủ rê khởi xướng, chuẩn bị công cụ và thuê phòng. Do đó án sơ thẩm xác định bị cáo có vai trò chính trong vụ án là có căn cứ. Tại Tòa án cấp phúc thẩm hôm nay bị cáo xuất trình tài liệu mới là biên lai nộp tiền phạt bổ sung và tiền án phí. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội Đánh bạc của mình đối với bị cáo N1 và bị cáo T1, bị cáo chỉ không thừa nhận việc là người rủ rê và thuê phòng nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là thiếu sót. Tại phiên tòa Phúc thẩm hôm nay bị cáo thành khẩn thừa nhận hành vi Đánh bạc của mình. Do đó cần áp dụng cho bị cáo tình

tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, hội đồng xét xử xét thấy. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi đánh bạc của mình, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã có ý thức chấp hành bản án là nộp tiền phạt và án phí, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo ở cấp phúc thẩm, do vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo bị cáo Khuất Văn Đ được chấp nhận một phần, nên bị cáo Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Khuất Văn Đ. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Khuất Văn Đ. Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Khuất Văn Đ 08 (Tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Bị cáo Khuất Văn Đ phải nộp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung công quỹ nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp 10.200.000đồng tiền phạt bổ sung và án phí sơ thẩm tại biên lai thu số: 0003418 ngày 17/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Khuất Văn Đ không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- CA, VKS, TA huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

Nguyễn Ngọc Chung